TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Trúc Linh

2. Ông Bùi Hoàng Ân

- TH ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – TH ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1981. "vắng mặt".

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1982 "vắng mặt".

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.Người làm chứng:
3.1. Ah Lê Hoàng Thịnh, sinh năm 1981. "vắng mặt".
3.2. Ah Lê Thành Đạo, sinh năm 1963. "vắng mặt".

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Q, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Thanh T trình bày: Anh và chị Trương Thị H thành hôn vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/11/2001. Thời gian

chung sống được 16 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau do cuộc sống không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nên vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị Trương Thị H có 02 con chung tên Phạm Thanh A, sinh ngày 21/4/2002 hiện đã trưởng thành và Phạm Minh TH, sinh ngày 02/4/2008 hiện đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu TH và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh T thì Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn chị Trương Thị H nhưng bị đơn chị H không đến tham gia phiên họp, hòa giải và Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn chị H vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị H.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng nặt. Bị đơn vắng mặt không lý do, người làm chứng đề nghị vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụn dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Phạm Thanh T được ly hôn với chị Trương Thị H.

Về con chung: Phạm Thanh A, sinh ngày 21/4/2002 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Giao cháu Phạm Minh TH, sinh ngày 02/4/2008 cho anh T nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T nộp 300.000đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, anh T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, trAh chấp về con chung với chị Trương Thị H có địa chỉ: ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn Ah Phạm Thanh T có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Trương Thị H vắng mặt không lý do mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng anh Lê Hoàng T và anh Lê Thành Đ có ý kiến xin vắng mặt nên căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quA hệ hôn nhân:

Ah Phạm Thanh T và chị Trương Thị H thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 52 quyển số 01 ngày 12/11/2001 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của Ah Phạm Thanh T cho rằng, quá trình chung sống được 16 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau do cuộc sống không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nên vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay cũng phù hợp với trình bày của người làm chứng. Ngoài ra, vào ngày 02/8/2022 anh T có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H nhưng sau đó vào ngày 07/9/2022 anh T rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Từ đó, xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Phạm Thanh T và chị Trương Thị H có 02 con chung tên Phạm Thanh A, sinh ngày 21/4/2002 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phạm Minh TH, sinh ngày 02/4/2008 hiện đang sống với anh T. Ah T yêu cầu được nuôi cháu TH, chị H không có ý kiến gì về việc nuôi con của anh T. Cháu TH từ khi Ah T và chị H ly thân cho đến nay cháu TH sống với anh T cuộc sống cũng đảm bảo và cháu TH cũng có nguyện vọng sống với anh T khi cha mẹ ly hôn nên giao cháu TH cho anh T nuôi con, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Thanh T là người trực tiếp nuôi con chung nhưng anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng, chị H không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụn dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA THòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Phạm Thanh T được ly hôn với chị Trương Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Minh TH, sinh ngày 02/4/2008 cho anh Phạm Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Thanh T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0003969 ngày 09/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ bA nhân dân xã X, huyện T, VL (Giấy kết hôn số: 52, ngày 12/11/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.